MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ HỢP ĐỒNG TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ 2005

Nguyễn Thị Thục *

Ngày 16/6/2005 Quốc hội đã thông qua Bộ luật Dân sự mới – Bộ luật Dân sự năm 2005(BLDS 2005).

1. Quy định chung về hợp đồng theo Bộ luật Dân sự 2005

Hợp đồng "là sự thoả thuận của các chủ thể tham gia nhằm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự"[1] (Điều 388- BLDS 2005). Như vậy, hợp đồng là phương tiện hữu hiệu để các chủ thể trao đổi hàng hoá và dịch vụ.

Trong BLDS 2005, các quy định trực tiếp về hợp đồng nằm trong phần thứ ba - Nghĩa vụ và hợp đồng được quy định từ Điều 388 đến Điều 593 – BLDS 2005. Ngoài các quy định về hợp đồng trong Phần thứ Ba, các quy định về hợp đồng còn nằm trong các phần như: Phần thứ nhất – Những quy định chung, Phần thứ năm – quy định về chuyển quyền sử dụng đất, Phần thứ sáu - Quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ và Phần thứ bảy - Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Phần thứ nhất có các quy định chung liên quan tới hợp đồng bao gồm: chủ thể của quan hệ dân sự, năng lực pháp luật, năng lực hành vi, giao dịch, thời hạn, thời hiệu... Phần này đưa ra các khái niệm, phạm trù mang tính quy định chung, các văn bản pháp luật điều chỉnh các chủng loại hợp đồng khác không cần quy định lại mà chỉ cần dẫn chiếu tới quy định chung ở BLDS là được.

Nhìn chung, các điểm mới đã thể hiện được mục đích xây dựng chế định hợp đồng trong Bộ luật dân sự 2005 làm nền tảng pháp lý chung cho toàn bộ hệ thống pháp luật hợp đồng, do vậy hiệu lực các quy định về hợp đồng dân sự trong Bộ luật Dân sự được mở rộng, áp dụng chung cho các loại hợp đồng: hợp đồng dân sự, hợp đồng thương mại, hợp đồng kinh tế...Trong đó mối quan hệ giữa hợp đồng dân sự với hợp đồng chuyên ngành được giải quyết theo hướng ưu tiên áp dụng luật hợp đồng chuyên ngành ấy. Như vậy, có thể nói trong lĩnh vực pháp luật về hợp đồng bước đầu đã được thống nhất, kể từ ngày Bộ luật Dân sự có hiệu lực 1/ 01/ 2006.

2. Quyền tự do khế ước

Chế định hợp đồng đã thể hiện quyền tự do hợp đồng trên cơ sở các nguyên tắc nền tảng: "Quyền tự do cam kết, thoả thuận trong việc xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên được pháp luật đảm bảo nếu cam kết, thoả thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội... (Điều 4- BLDS). BLDS 2005 đã ghi nhận sự thay đổi trong việc mở rộng quyền năng cho các chủ thể "được làm những gì mà luật không cấm", so với BLDS 1995 "được làm những gì phù hợp với pháp luật". Quy định này khẳng định điểm then chốt của hợp đồng nói riêng và giao dịch dân sự nói chung là *quyền tự do khế ước*. BLDS là văn bản pháp lý quan trọng ghi nhận và đảm bảo một cách rõ ràng nhất quyền của chủ thể. Chủ thể có quyền tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận trong mọi giao dịch với điều kiện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Để đảm bảo cho tính khả thi, nguyên tắc này cũng cần được triển khai nhất quán trong các quy định cụ thể.

3. Giao kết hợp đồng

Quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng dân sự được sửa đổi để phù hợp với quan hệ hợp đồng trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động. Quyền tự do

* Khoa Nhà nước và Pháp luật, Học viện Hành chính Quốc gia

[1] Bộ luật Dân sự, Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

hợp đồng được khẳng định thông qua việc các bên được quyết định về đối tác tham gia ký kết hợp đồng, hình thức và nội dung của hợp đồng và trách nhiệm khi có vi phạm.

Hình thức hợp đồng, quy định về hợp đồng trong BLDS 2005 đã thể hiện điểm tiến bộ vượt trội, xác định thời điểm giao kết hợp đồng trên cơ sở công nhận hiệu lực của cam kết, thoả thuận giữa các bên mà không phụ thuộc vào hình thức hợp đồng như trước đây, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng. BLDS 2005 quy định các bên được lựa chọn hình thức của hợp đồng bằng văn bản, hành vi, lời nói, và cả hình thức "im lặng" nếu các bên có thoả thuận.

Điều 404 quy định nguyên tắc chung về thời điểm giao kết hợp đồng:

"1. Hợp đồng dân sự được giao kết vào thời điểm bên đề nghị nhận được trả lời chấp nhận giao kết.

2. Hợp đồng dân sự cũng xem như được giao kết khi hết thời hạn trả lời mà bên nhận được đề nghị vẫn im lặng, nếu có thoả thuận im lặng là sự trả lời chấp nhận giao kết.

3. Thời điểm giao kết hợp đồng bằng lời nói là thời điểm các bên đã thoả thuận về nội dung của hợp đồng.

4. Thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản".

Theo BLDS 2005, thời điểm giao kết là thời điểm có hiệu lực của hợp đồng (Điều 405).

Như vậy, các quy định này đã cho thấy sự tôn trọng ý chí của các bên không phụ thuộc vào hình thức của việc thể hiện ý chí, hợp đồng không bị vô hiệu trong trường hợp có vi phạm về hình thức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đây được xem là điểm đổi mới đáng kể so với BLDS 1995, qua đó đã khắc phục những điểm bất cập trong thực tiễn giải quyết tranh chấp về hợp đồng trong trường hợp khi tuyên rất nhiều hợp đồng bị vô hiệu vì hình thức hợp đồng, gây nên rủi ro pháp luật không đáng có cho bên đương sự. Ở hầu hết các nước, hình thức hợp đồng cũng không phải là điều kiện có hiệu lực của hợp đồng. Pháp luật chỉ trở thành thói quen, được sự tuân thủ của người dân khi phù hợp với nhu cầu thực tế đời sống đòi hỏi, một thoả thuận có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức, cách thức khác nhau, chi phí giao dịch giảm thiểu, có như vậy thì pháp luật mới mang lại lợi ích mà các chủ thể đều muốn tuân thủ pháp luật để an toàn, công bằng và được hưởng lợi.

Về nội dung hợp đồng, tại Điều 402 BLDS năm 2005 không quy định nội dung nào là nội dung chủ yếu để bắt buộc đối với tất cả các hợp đồng mà chỉ quy định có tính chất định hướng. Quy định mới tạo ra tính khả thi áp dụng cho cả hợp đồng và cho thấy các quy định về hợp đồng trong BLDS đã thể hiện vai trò là quy phạm pháp luật chung.

Về đối tượng hợp đồng, đây là yếu tố quan trọng không thể thiếu của hợp đồng, sự thống nhất ý chí của các bên phải nhằm vào một đối tượng cụ thể. BLDS 2005 quy định đối tượng hợp đồng được mở rộng theo quy định về tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá, quyền tài sản (Điều 163 - BLDS 2005) và vật được hiểu là cả vật có thực và cả vật đang hình thành trong tương lai, như nhà chung cư đang xây, tàu thuyền đang đóng là đối tượng của rất nhiều các giao dịch, hợp đồng trên thương trường. Quy định mới này đã góp phần tháo gỡ những rào cản về pháp lý và mở ra con đường thuận tiện hơn cho các giao dịch.

Là một trong các thoả thuận quan trọng của hợp đồng, thoả thuận về giá cả có ý nghĩa quan trọng trong hợp đồng. Thỏa thuận về giá có thể là thoả thuận về mức giá cụ thể hoặc thoả thuận về một phương pháp xác định giá và phương pháp xác định giá không rõ ràng. Nếu thoả thuận về giá không rõ ràng thì giá của tài sản được xác định căn cứ vào giá thị trường tại địa điểm và thời điểm giao kết hợp đồng. Quy định này là sự công nhận quyền tự định đoạt của các bên. Một hợp đồng được giao kết, nếu trong quá trình thực

hiện hợp đồng phát sinh nhiều yếu tố bất lợi đối với các bên hoặc điều khoản chưa cụ thể, rõ ràng thì các bên vẫn có thể tiếp tục thương thảo: ví dụ thay đổi về giá cả Điều 431.III; quyền hoãn thực hiện hợp đồng Điều 415). Cách điều chỉnh của luật hợp đồng như vậy thể hiện sự đổi mới nhận thức về hợp đồng, bên cạnh quan niệm truyền thống coi hợp đồng như sự "thống nhất ý chí vào thời điểm giao kết" đồng thời hợp đồng cũng cần phải được nhìn nhận "ngày càng mang tính chất của một quá trình có điều tiết. Trong quá trình đó, các bên có nghĩa vụ chia sẻ thông tin; cùng đánh giá cùng nhận diện, đánh giá, phân chia, điều tiết rủi ro - gọi chung là quản lý rủi ro"[2].

4. Thực hiện hợp đồng

Các bên có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng một cách thiện chí, trung thực (Điều 412), BLDS năm 2005 có quy định mới ghi nhận vấn đề phát sinh từ thực tế, cụ thể về quyền cầm giữ tài sản trong hợp đồng dân sự (Điều 416), thực hiện hợp đồng có thoả thuận về phạt hợp đồng (Điều 422). Quy định về quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ dân sự trong hợp đồng song vụ (Điều 415) là những quy định mới, tiến bộ. Như vậy, BLDS năm 2005 đã điều chỉnh vấn đề nguy cơ không thực hiện hợp đồng.

5. Một số quy định về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất

Nhóm quy định này bao gồm các hợp đồng chuyển đổi, hợp đồng chuyển nhượng, thuê, thuê lại, thế chấp, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất. So với quy định trước đây thì Bộ luật dân sự 2005 có nhiều điểm mới như phạm vi các quyền chuyển quyền được mở rộng để phù hợp với Luật Đất đai năm 2003 và thực tiễn trong giao dịch về chuyển quyền sử dụng đất: quyền cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền tặng cho quyền sử dụng đất và quyền góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất; mở rộng cả về chủ thể tham gia chuyển quyền, bên cạnh hộ gia đình là chủ thể phổ biến còn pháp nhân và chủ thể khác (Điều 688).

Điểm nổi bật trong quy định mới về chuyển quyền sử dụng đất là ngày càng thể hiện việc tôn trọng sự thoả thuận về giá chuyển quyền sử dụng đất ("giá chuyển quyền sử dụng đất do các bên thoả thuận hoặc do pháp luật quy định" - Điều 690). Trong quan hệ chuyển quyền sử dụng đất giữa các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, quan hệ dân sự về quyền sử dụng đất phải được nhìn nhận là quan hệ mang tính chất tài sản tư, do vậy các bên có quyền tự định đoạt, thoả thuận: người sử dụng đất được cho thuê lại đất (Điều 714) hoặc trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, bên thế chấp đã có điều kiện được quyết định, lựa chọn bên nhận thế chấp và tạo điều kiện cho bên chế chấp giá trị quyền sử dụng đất được nợ thì bên thế chấp quyền sử dụng đất có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất nếu được bên thế chấp đồng ý (Điều 718).

Bộ luật Dân sự 2005 đã có quy định về hụi, họ, biêu, phường (Điều 479). Các quy định này nhằm điều chỉnh các quan hệ thực tế đang diễn ra trong đời sống dân sự mà nhiều vụ kiện toà án chưa có cơ sở pháp lý để giải quyết tranh chấp.

6. Thời hiệu khởi kiện hợp đồng dân sự.

Điều 136 quy định thời hiệu yêu cầu toà án giải quyết tranh chấp về hợp đồng dân sự là 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác bị xâm hại. Như vậy, thời hiệu được xác định từ ngày quyền và lợi ích của cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác bị xâm hại. Tuy nhiên, có người cho rằng, quy định này không bảo vệ lợi ích của người bị xâm hại vì có nhiều trường hợp, phải trải qua một thời thời gian rất lâu người bị xâm hại mới biết mình bị xâm hại, do vậy thời hiệu cần tính từ ngày người bị xâm phạm biết hoặc phải biết.

---

[2] "Điều chỉnh thông tin bất cân xứng và quản lý rủi ro trong pháp luật hợp đồng Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 5, tháng 5 năm 2003